

XƯƠNG THỢ

Thứ bảy 18

Tối hôm qua Prê- cốt-xi đến nhắc tôi lời hứa đến thăm xưởng thợ của cậu ấy, và sáng nay lúc ra phố, bố cũng muốn đưa tôi đến đó một lúc.

Đến ngưỡng cửa, chúng tôi thấy Prê-cốt-xi ngồi trên một đồng gạch, đang học bài, sách kê lên đầu gối.

Thấy chúng tôi đến, cậu đứng dậy và đưa chúng tôi vào một gian nhà rộng đầy bụi than, trên tường treo lủng lẳng những búa, kìm, chốt và đồ sắt đủ thứ. Ở một góc là một cái lò đang đỏ, một cậu bé kéo bễ cho lò cháy liên tục. Bố Prê-cốt-xi ngồi cạnh một cái đe, và một người phụ việc cầm một thanh sắt nung trong lò than.

"À, cậu bé tốt bụng đã cho con tôi bộ đồ chơi đường sắt, - bố Prê-cốt-xi kêu lên khi thấy chúng tôi; - ông và cậu đến xem chúng tôi làm việc đấy ă? Xin sẵn sàng phục vụ..."

Bác vừa nói vừa mỉm cười, bộ mặt không hung tợn và đôi mắt không đục ngầu như trước nữa! Người phụ việc đưa thanh sắt dài đỏ rực một đầu, bác thợ rèn

đặt nó lên đe. Giờ một cái búa to tướng lên, bác bắt đầu đập đầu sắt nung đỏ, khi sang bên này, khi sang bên kia, ở quãng giữa lòng đe và mép đe, lại lật bên này, mặt nọ đù cách. Nhìn thật là thích thú. Dưới những nhát búa nện nhanh và chính xác, thanh sắt cong lại, uốn lên như gợn sóng, một hình xoáy tròn ốc, mềm mại tưởng như nắn bằng tay vậy. Trong lúc ấy, Prê-cốt-xi nhìn chúng tôi, ve hãnh diện, như muốn nói: "Đây, bố mình làm việc thế đấy".

"Giờ cậu đã thấy người ta rèn như thế nào rồi chứ?" Bác thợ rèn hỏi tôi khi đã làm xong, tay cầm thanh sắt, đầu uốn cong như cây pháp trượng của một vị giám mục ⁽¹⁾.

Rồi, để nó sang một bên, bác đặt một thanh khác vào lò.

Bố nói với bác: "Thế này thật là tốt, giờ thì bác làm việc chứ? Quyết tâm trở lại rồi chứ?"

- Vâng, đã trở lại rồi, - bác trả lời, mặt hơi đỏ và đưa tay quạt mồ hôi trán, - Và ông có biết ai đã đem quyết tâm trở lại cho tôi không?

Bố làm như không hiểu.

- Chính thằng bé can đảm này, - bác nói tiếp, tay chỉ Prê-cốt-xi, - Chính thằng bé can đảm này, nó chăm lo học hành và đem lại vinh dự cho bố, còn bố

(1) Các giám mục Đạo Thiên Chúa được cầm một cái gậy dài đầu uốn cong, là biểu hiện quyền lực của chức vị giám mục.

nó thì lại quên mình trong cảnh lười biếng và đối xử với nó như với con chó... Khi tôi trông thấy cái huy chương này... Ôi, thằng con đáng thương của tôi, người chưa cao hơn một đôi ủng, đến gần đây cho bố nhìn thẳng vào mặt con một tí nào... Prê-cốt-xi liền chạy đến, bác thợ rèn hai tay nhắc cậu lên, đặt đứng trên cái đe, hai tay giữ hai bên sườn cậu.

"Này, hãy chùi sạch ngay cái trán dân dện của bố đi..." - Bác bảo con như vậy.

Prê-cốt-xi hôn khắp mặt bố, cho đến khi chính mặt cậu cũng đen thui đen thui.

"Tốt lắm!" bác nói rồi đặt con xuống đất. "Hết sức tốt, cậu Prê-cốt-xi", bố tôi kêu lên. Rồi chào bác thợ rèn và Prê-cốt-xi, bố dẫn tôi về.

Chúng tôi đi ra thì cậu Pre-cốt-xi nói với tôi: "Xin lỗi..." và đút vào túi tôi một gói dính. Tôi cảm ơn và mời cậu đến nhà tôi, nhìn qua cửa sổ xem những người đeo mặt nạ đi diễu trong Hội hóa trang⁽¹⁾.

Đọc đường bố bảo tôi: "Con đã cho bạn ấy bộ đồ chơi đường sắt của con, nhưng giá nó bằng vàng có dính đầy hạt ngọc chăng nữa, thì cũng vẫn là một món quà hèn mọn đối với đứa con tuyệt vời đã hồi sinh lại được trái tim của bố mình".

(1) Hội hoá trang là hội dân gian ở các nước Châu Âu, bắt nguồn từ nước Ý nổi tiếng về trò chơi đeo mặt nạ và mặc quần áo giả làm hạng người này người nọ, đi diễu ngoài phố và múa.

CÂU BÉ LÀM VIỆC

Thư hai 20

Cả thành phố tung bừng rộn rịp, Hội hóa trang sắp kết thúc ⁽¹⁾. Ở khắp các quảng trường đã được dựng lên những lều của người làm xiếc ở và những rạp xiếc. Ngay trước các cửa sổ nhà ta cũng có một rạp mái bằng vải, do một gánh xiếc nhỏ người Vê-nê-zi-a diễn. Họ có năm con ngựa. Rạp ở giữa quảng trường, và trong một góc là ba chiếc xe lớn để những người làm xiếc ngủ và hóa trang, ba chiếc nhà nhỏ có bánh, có cửa sổ, mỗi chiếc có ống khói bé tý tỏa khói suốt ngày, từ cửa sổ này sang cửa sổ kia người ta căng dây phơi tá lốt trẻ con. Có một người đàn bà vừa nuôi con bú vừa nấu ăn cho cả gánh xiếc, lại vừa múa trên dây. Họ thật tội nghiệp. Thiên hạ gọi là *saltare in banco* ⁽²⁾ như một lời chửi

(1) Hội này tiếng các nước Âu Châu đều gọi theo tiếng Ý là "carnvevale", diễn ra từ 6 tháng giêng ngày lễ Chúa hiển hiện, và kéo dài nhiều ngày, cho đến ngày thứ tư, bắt đầu kiêng ăn thịt, mà có năm trong tháng hai, có năm đến 9 tháng ba, tùy theo lễ Phục sinh năm ấy sớm (22 tháng ba) hay muộn (25 tháng ba).

(2) Tiếng Ý, nghĩa là nhảy trên ván, chỉ người làm xiếc.

rửa, nhưng họ kiếm ăn một cách lương thiện, để mua vui cho người khác, mà họ thì phải khó nhọc đến thế nào, có Chúa mới biết rõ được! Suốt ngày, họ chạy từ rạp xiếc đến các xe, trời rét thế mà mình chỉ phong phanh có chiếc áo sợi đan màu hồng, hoặc vôi vàng, đứng mà ăn một miếng bốc bằng tay giữa hai buổi diễn. Không bao giờ những người bất hạnh ấy được ai dọn bàn ăn cho mà ngồi vào đàng hoàng. Và đôi khi rạp đã đông nghịt khách xem rồi trời lại nổi gió, xé rách trần màn, tắt hết đèn đóm, thế là đi đời buổi diễn.

Trong gánh xiếc có hai đứa bé làm việc.

Bố nhận ra đứa bé nhất, trong khi cậu ta đi ngang qua quảng trường; đó là con trai ông chủ gánh xiếc, mà năm ngoái chúng tôi thấy làm trò trên lưng ngựa, trong một rạp xiếc ở quảng trường Vit-tô-ri-ô Em-ma-nu-ê-lê ⁽¹⁾. Từ dạo ấy cậu ta lớn lên nhiều, chắc nay cũng đã tám tuổi; thật là một cậu bé đẹp, mặt tròn trặn, da màu nâu, tóc đen xoắn tít tỏa ra quanh chiếc mũ nhọn như những đợt sóng.

Cậu ăn mặc theo vai hề, bó người trong chiếc áo chật như cái ống, có hai ống tay màu lam thêu chỉ

(1). Quảng trường lớn nhất ở thành phố Tô-ri-nô, mang tên quốc vương Vit-tô-ri-ô Em-ma-nu-ê-lê II (1820- 1878) nước Xéc-đe-nha, người có công lớn trong sự nghiệp giành độc lập, thống nhất cho nước Ý, và lên ngôi quốc vương đầu tiên của nước Ý thống nhất năm 1861.

đen và đi giày vải. Cậu bé làm xiếc ấy khác nào một con quỷ con. Cậu làm vui lòng tất cả mọi người. Sáng ra từ tỉnh mơ đã thấy cậu quán mình trong một chiếc khăn quàng, mang sữa về chỗ chiếc nhà có bánh xe của mình, xong đến tàu ngựa săn sóc mấy con ngựa. Cậu bé đưa bé con đi dạo chơi, chuyển những cái vòng, cái ghế, cái ngang, sợi dây, sợi thừng, chùi rửa xe cộ, nhen lửa, đun bếp; và những lúc rảnh rỗi rất hiếm thì ngồi bên mẹ không rời nửa bước. Bố lúc nào cũng nhìn cậu ta qua cửa sổ, chỉ nói đến cậu và những người thân thích của cậu; họ là những người trung hậu và thương yêu con cái.

Một buổi tối chúng tôi đi xem xiếc, trời rét và gần như chẳng có ai đến xem, thế mà cậu bé tội nghiệp phải dốc hết sức ra làm trò để cho một nhóm người xem kia phải hồi hộp. Cậu nhào lộn trên không, buộc mình vào đuôi phi ngựa, đi hai tay, chân chống lên trời, hát, cười và khuôn mặt xinh xắn làm cho ai ai cũng mến.

Bố cậu mặc áo đo, quần trắng, đi boots kỳ mã cao, tay cầm roi ngựa, nhìn cậu về buồn buồn.

Bố tôi động lòng thương hại những con người tội nghiệp ấy. Hôm sau, họa sĩ Đê-lit đến thăm, bố đem chuyện ấy ra nói chuyện với ông ta.

"Những kẻ đáng thương ấy làm việc đến chết được, - Bố nói, - Thế mà có kiếm được bao lăm đâu. Đứa bé kháu quá sức. Có thể giúp gì cho họ được không nhỉ?"

Họa sĩ có một ý hay, ông nói:

"Anh là nhà báo, anh viết ngay một bài cho hay đăng lên tờ Ga-zê-ta. Anh nói đến đức tốt và tài ba của cậu bé, còn tôi thì vẽ chân dung của cậu. Mọi người sẽ đọc báo Ga-zê-ta, và ít nhất là ta cũng lôi cuốn khách đến xem được một lần".

Nói là làm ngay. Bố viết một bài báo rất dí dỏm, kể lại những điều chúng tôi trông thấy qua cửa sổ nhà mình, làm cho người đọc cứ muốn nhìn, muốn vuốt ve nhà nghệ sĩ tí hon. Họa sĩ thì phác họa một bức chân dung nhỏ, giống như hệt và duyên dáng làm sao, chiều thứ bảy thì in lên báo. Thế là đến buổi diễn hôm chúa nhật, người xem đổ xô nhau đến rạp xiếc. Người ta đã báo tin là buổi diễn thu tiền ủng hộ cậu bé làm xiếc.

Bố đưa tôi đến xem, ngồi ghế hạng nhất. Ngay công vào, những người làm xiếc đã dán tờ báo Ga-zê-ta. Rạp chật ních, nhiều người xem tay còn cầm tờ báo và chỉ cho nhau cậu bé làm xiếc, còn cậu thì lảng xãng chạy đến người này, người nọ, hớn hờ quá chừng. Cả ông chủ nữa, tất nhiên xem ra ai cũng hài lòng! Chưa bao giờ có một tờ báo nào đã đem cho ông ta nhiều vinh dự đến như thế; và chiếc hòm đựng tiền hôm nay thật đầy những đồng xu và hào bạc.

Bố ngồi cạnh tôi. Trong đám khán giả, chúng tôi gặp bao nhiêu người quen. Đứng ở chỗ ra vào là thầy giáo dạy thể dục, và trước mặt chúng tôi, ở ghế hàng

nhì là cậu bé thợ nề ngồi cạnh ông bố khổng lồ. Vừa thấy tôi, cậu ấy làm luôn cái trò sút môi với tôi. Xa xa một tí, tôi thấy Ga-rôp-phi đang mãi đếm số khách xem và tính trên ngón tay số tiền mà gánh xiếc phải thu được đêm nay. Gần chỗ chúng tôi, ở dãy ghế hạng nhất, còn có cậu Rô-bet-ti đáng thương (cái cậu đã cứu sống em bé bị chẹt xe ngựa) đôi nạng để giữa hai chân. Bố cậu, ông đại úy pháo binh, ngồi cạnh cậu, bàn tay đặt lên vai con.

Buổi diễn bắt đầu. Cậu bé làm xiếc diễn, tài nghệ tuyệt vời, trên lưng ngựa, trên đu bay, trên dây. Mỗi tiết mục đều được vỗ tay nhiệt liệt kéo dài ra mãi.

Lại còn các trò khác của những người đi trên dây, những người tung hứng, quần áo lấp lánh những mảnh vải bạc. Tuy nhiên cứ hễ thiếu mặt cậu bé là có thể nói rằng khán giả đã buồn rồi.

Có một lúc tôi thấy thầy giáo thể dục đứng ở chỗ ra vào, nói nhỏ vào tai ông chủ xiếc. Ông này liền đảo mắt, nhìn khán giả như tìm một người nào. Mắt ông bỗng dừng lại phía chúng tôi. Bố trông thấy, hiểu rằng thầy giáo vừa cho ông ta biết tác giả của bài báo là ai; và để tránh không cho ông ta cảm ơn, bố đi ra và dặn tôi: " Con ngồi lại xem cho biết, En-ri-cô ạ, bố đợi con ngoài cổng".

Cậu bé làm xiếc trao đổi mấy câu với bố, rồi lại diễn một mục nữa. Đứng trên lưng ngựa đang phi, cậu thay quần áo bốn bận, lần lượt hiện ra như khách

hành hương, như người thủy thủ, như kẻ quân nhân, rồi như tay mái vó. Một lần lướt qua cạnh tôi, cậu đưa mắt nhìn tôi.

Tiết mục chấm dứt, cậu xuống ngựa, đi vòng quanh sân, tay cầm mũ. Tất cả mọi người đều đưa nhau ném cho cậu nào xu, nào kẹo. Tôi cầm hai xu để đưa cho cậu; nhưng khi đến gần tôi thì đáng lẽ đưa mũ ra, cậu lại rút mũ về và bước qua rất nhanh. Tôi lấy làm tủi nhục về hành động này. Tại sao cậu ta lại tỏ ra thiếu le độ với tôi như vậy.

Hết buổi diễn, ông chủ cám ơn khán giả, và mọi người đứng dậy ra về. Tôi đi lẫn vào đám ông, và gần ra đến cổng thì thấy ai nắm lấy tay mình. Tôi quay lại và thấy cậu bé làm xiếc, khuôn mặt hiền lành rất tươi cười, hai tay nắm đầy kẹo! Bây giờ tôi mới hiểu.

"Anh vui lòng nhận cho thằng bé làm xiếc mấy chiếc kẹo này chứ?"- cậu ta nói.

Tôi bằng lòng và cầm lấy ba bốn chiếc.

- Vậy nhận thêm cho em chiếc hôn này nữa- cậu lại nói.

- Hôn tôi hai cái đi- tôi đáp lại và chìa má ra.

Cậu đưa tay áo quẹt trái lớp phấn trên mặt, vòng tay ôm lấy cổ tôi và hôn tôi hai cái đánh chụt trên hai má, rồi nói: "Này một cái gửi về cho bố anh".

NHỮNG TRẺ EM MÙ

Thứ năm 23

Thầy giáo của chúng tôi đang ốm nặng, nhà trường đã cử thầy giáo lớp bốn đến thay. Trước đây đã từng dạy học ở Học viện những thiếu niên mù. Là thầy giáo già nhất trong trường, tóc thầy bạc trắng đến nỗi người ta ngỡ thầy đội tóc giả bằng bông. Thầy có một cách nói rất đặc biệt, nhưng thầy nói rất hay và thầy biết rất rộng. Vừa bước vào lớp, thấy một học sinh có một mắt quán băng, thầy liền đến gần và hỏi cậu làm sao vậy.

"Con phải cẩn thận giữ gìn đôi mắt", thầy nói. Đê-rôt-xi liền hỏi:

- Thưa thầy, có phải trước đây thầy cũng dạy những trẻ mù không ạ?

- Đúng đấy, thầy đã dạy đấy nhiều năm- thầy đáp.

Đê-rôt-xi thấp giọng, lại nói:

- Thế thầy sẽ kể cho chúng con nghe ít nhiều chuyện ở bên ấy, được không ạ.

Thầy giáo bước lên bục, ngồi vào ghế của mình. Cô-ret-ti nói to:

"Học viện người mù ở phố Ni-xơ".

"Con vừa nói người mù- thầy giáo nhắc lại, nghe đơn giản như nói người ốm hay người nghèo vậy. Các con có thật hiểu thế nào là nghĩa chữ "mù" chưa? Hãy nghĩ xem nào. Này nhé: Không bao giờ nhìn thấy gì cả. Không phân biệt được thế nào là đêm, thế nào là ngày; không trông thấy bầu trời, cũng như bố mẹ họ hàng. Không trông thấy bất cứ cái gì ở quanh ta, bất cứ cái gì mà ta sờ mó. Chìm đắm trong bóng tối vĩnh viễn, và như là bị chôn vùi trong lòng đất vậy! Các con thử nhắm mắt lại, và thử nghĩ đến nỗi khốn khổ sẽ đến với mình, giá mình cứ ở mãi trong tình trạng ấy. Chắc chắn là các con sẽ bị nén dưới một sự đè ép đau đớn, một niềm khùng khiếp như không thể nào chịu đựng nổi. Và lập tức các con sẽ gào thét lên một cách tuyệt vọng...

"Ấy thế mà... khi đến thăm học viện người mù lần đầu tiên, vào giữa giờ ra chơi, nghe các bạn ấy kéo đàn vĩ cầm, thổi sáo khắp nơi, nói to cười lớn, chạy lên chạy xuống các thang gác, đi qua các hành lang và các phòng ngủ một cách tự nhiên, thật người ta không bao giờ có thể ngờ rằng những người khốn khổ kia không hề nhìn thấy ánh sáng. Phải quan sát kỹ thì mới hiểu được họ. Có những thanh niên từ mười sáu tuổi đến mười tám tuổi, vạm vỡ và nhanh nhẹn, chịu đựng cảnh mù lòa với một vẻ dửng dưng nào đấy, nhưng khi thấy vẻ buồn trên mặt họ thì người ta cũng

hiếu là họ đã từng đau khổ ghê gớm trước khi đành
nhẫn nhục chịu đựng nỗi bất hạnh vậy.

"Có những người trên sắc mặt tái nhợt và hiền hậu
thấy rõ sự chịu đựng ghê gớm xen với nỗi buồn rầu
ghê gớm, và người ta có thể đoán biết rằng đôi khi
không có ai họ đã phải khóc rất nhiều. Ôi, các con
thử nghĩ xem trong những kẻ bất hạnh ấy có những
người mù chỉ sau vài ngày ốm thôi, cũng có những
người sau nhiều năm bị con bệnh hành hạ và sau
những phen mổ xẻ đau đớn vô cùng. Cuối cùng, có
những người sinh ra đã như vậy, chào đời trong một
đêm tối không bao giờ có rạng đông; họ vào đời như
vào một nhà mồ mệnh mông trong đó họ không thể
nào phân biệt được một hình dạng nào, một màu sắc
nào.

Các con hãy tưởng tượng họ phải đau khổ như thế
nào khi so sánh cuộc đời của họ với cuộc đời của
những người sáng mắt.

Tại sao lại có sự khác nhau nhường ấy? Chắc họ
phải tự hỏi, và lại, đối với lương tâm, chúng ta nào
có tội lỗi gì?

"Thầy đã sống nhiều năm giữa những người mù.
Thầy giáo nói tiếp- Thầy không thể nghĩ đến cái lớp
mà mọi đôi mắt đều đã nhắm lại mãi mãi, đông tử
đều không biết nhìn và không còn sinh khí nữa, và
sau đấy lại thấy các con đây đôi mắt đều sáng ngời
mà lại không nói với thầy các con không thể nào sung

sướng được. Hãy nghĩ rằng chỉ ở nước Ý ta thôi, đã có hai vạn sáu nghìn người mù rồi. Hai vạn sáu nghìn⁽¹⁾ các con nghe rõ chưa? Thầy giáo dừng lại. Lớp học im lặng lạ thường. Đê-rôt-xi hỏi có thật là những người mù có xúc giác tế nhị hơn chúng ta không?

"Thật thế- Thầy giáo lại nói- Tất cả các giác quan khác của họ đều thành tế nhị cả, bởi vì đã được sử dụng để bổ sung cho thị giác và được tập luyện nhiều hơn là ở những người sáng. Buổi sáng trong phòng ngủ, một học sinh mù hỏi bạn: "Hôm nay trời nắng không nhỉ". Người bạn nhanh nhẹn nhất, mặc quần áo, xuống sân, đưa hai tay lên cao và khua để xem không khí có ấm lên do mặt trời sưởi không; rồi chạy đi báo tin vui: "Hôm nay trời nắng!"

"Nghe giọng một người nói, họ có thể suy ra được người đó cao hay thấp. Chúng ta đoán biết tính tình của một người qua cái nhìn của người ấy, nhưng họ thì lại đoán qua giọng nói. Họ nhớ giọng nói của người ta rất lâu. Trong một căn phòng có nhiều người mà chỉ một người nói, còn những người khác làm thính, họ cũng nhận ra được. Nhờ xúc giác, người mù có

1. Vào đầu những năm 60 thế kỷ XIX, khi tác giả viết trang sách này thì dân số nước Ý độ trên hai mươi sáu triệu người thế là trung bình trong một nghìn người ở nước Ý đã có một người mù.

thể biết được một cái cùi dĩa thật sạch hay không lấy gì làm sạch lắm.

"Những cô bé có thể phân biệt được len nhuộm màu với len không nhuộm. Khi đi từng đôi ngoài phố, những trẻ em mù có thể nhận ra gần hết các cửa hiệu bằng cách ngửi mùi. Chơi con quay, chỉ cần nghe tiếng vù vù là họ đi thẳng đến, cầm lấy không nhầm. Họ nhảy dây cũng khéo chẳng thua gì những trẻ nhìn rõ. Hơn nữa, họ hái hoa đồng thảo như thể họ dẹt chiếu và đan rổ, họ lấy cuội để trang trí những chiếc hòm nhỏ, họ dẹt chiếu và đan rổ, tết những sợi rơm khác màu nhau, nhanh chóng lạ thường vì xúc giác của họ qua thật là tế nhị. Xúc giác là thị giác lớn thứ hai của họ và một trong những thú vui lớn nhất của họ là được sờ mó, nắn bóp để nắm rõ hình dáng của đồ vật.

"Thật là canh tượng cảm động khi nhìn những người mù được đến xem bảo tàng công nghiệp mà người ta cho phép họ được sờ mó tất cả những gì họ thích. Với một nỗi vui mừng không tả hết, họ lao tới các mô hình nhà cửa, các dụng cụ sản xuất để xem các thứ ấy được làm ra như thế nào. Đúng là xem, vì cũng như ta, họ có thói quen xem như vậy".

Ga-rôp-phi ngắt lời thầy giáo để hỏi thầy có phải là những người mù học tính giỏi hơn những người khác không?

"Rất đúng đấy.- thầy trả lời- Họ học tính và học

đọc. Họ dùng những cuốn sách riêng, khắc chữ nổi. Cứ đưa các ngón tay sờ lên, họ nhận ra ngay các chữ và đọc thạo. Và thương quá, những em bé tội nghiệp, mỗi khi đọc nhầm, lại thẹn đỏ cả mặt lên. Họ cũng viết, nhưng không dùng mực. Họ viết trên một loại giấy dày và cứng với một cái dùi nhọn bằng kim khí, bằng cách chấm những lỗ nhỏ hằn rõ trên mặt nổi của giấy để cho học sinh lật trang giấy và dùng tay sờ những điểm nổi lên, có thể đọc lại những gì mình đã viết. Người mù cũng nhận ra được nét chữ của người khác; họ làm những bài văn và viết thư cho nhau. Họ viết chữ số và làm các phép tính cũng bằng cách ấy; nhưng ngoài ra, họ còn làm tính nhầm để dàng một cách không thể tưởng tượng được, vì họ không đáng trí như ta do mãi nhìn các vật chung quanh mình, và giả các con biết họ thích nghe đọc sách như thế nào, họ chăm chú làm sao, họ nhớ tất cả và họ tranh luận với nhau, kể cả những câu rất bé, về mọi vấn đề. Ngồi với nhau bốn hay năm người trên một chiếc băng không phải ngoanh mặt lại với nhau, họ chuyện trò, có khi người thứ nhất nói với người thứ ba, người thứ hai nói với người thứ tư, mà nói to và tất cả cùng nói một lúc, thế mà họ nghe không sót một lời, vì tai họ thính quá chừng.

"Họ coi trọng các kỳ thi hơn các con ở đây, đúng thế; và thương yêu các thầy giáo hơn nhiều. Họ nhận ra thầy giáo bằng cách nghe bước đi, hoặc đánh hơi.

Họ đoán biết thầy đang bực hoặc đang vui, đang khỏe hay đang mệt, chỉ bằng cách nghe thầy nói một lời thôi. Họ muốn được thầy giáo sờ vào họ khi thầy khuyến khích hoặc khen ngợi họ, và họ siết chặt lấy bàn tay và cánh tay thầy để tỏ lòng biết ơn.

Các học sinh mù rất thương yêu nhau và thường thường đối xử với nhau rất tốt. Trong giờ ra chơi gần như lúc nào, những người thường chơi với nhau lại họp thành nhóm. Chẳng hạn các nữ sinh thì họp nhau lại theo nhạc cụ mà họ đang học: những người học vĩ cầm, những người học dương cầm, học sáo, không bao giờ rời xa nhau. Những người rụt rất chung thủy trong tình bạn, họ tìm ở đây tất cả niềm an ủi. Họ đánh giá lẫn nhau với trí phán đoán rất cao; về cái tốt và cái xấu họ có ý niệm rất rõ ràng và sâu sắc. Họ phấn khởi hơn ai hết khi nghe kể lại một hành động hào hiệp hoặc một sự tích cao cả".

Vô-ti-ni hỏi họ có giỏi âm nhạc không?

"Họ rất say mê âm nhạc- thầy giáo đáp.- Âm nhạc là đời sống và niềm vui của họ. Những cậu mù bé tí, vừa vào học viện đã mãi mê nghe người ta chơi một nhạc cụ nào đấy không biết chán. Họ học nhạc rất dễ và chơi nhạc với tất cả tâm hồn. Nếu có thầy giáo bảo một người mù là không có khiếu về nhạc, thì người đó khổ vô cùng, và lập tức học hết sức như một người tuyệt vọng. À, giá các con được nghe người mù chơi nhạc, giá các con trông thấy họ ngẩng cao

vàng trán, nụ cười trên môi, vẻ mặt rạng rỡ, bồi hồi xúc động, say sưa, lắng nghe một người chơi đàn đang làm rực lên một tia sáng trong bóng tối vô tận mà họ phải chìm đắm, thì các con mới hiểu rằng âm nhạc quả là một niềm an ủi thiêng liêng"!

"Khi một thầy giáo nói với một người trong bọn họ: "Con sẽ thành một nghệ sĩ" thì không thể nào tả được nỗi sung sướng của người ấy. Đối với họ, người đứng đầu môn nhạc, người được toàn thể khâm phục về dương cầm hoặc vĩ cầm chẳng khác nào một ông vua, họ yêu mến và kính trọng. Nếu một cuộc cãi lộn xảy ra giữa hai người bạn thì họ nhờ người ấy hòa giải. Những cậu bé nhất được người ấy dạy nhạc thì xem người ấy như cha. Trước khi đi ngủ, tất cả họ đến chúc người ấy ngon giấc. Người mù luôn luôn nói chuyện về nhạc, dù là khi đã nằm trên giường, mệt mỏi vì học hành và lao động, trong cơn nửa tỉnh nửa thức, họ vẫn nói chuyện thì thầm về nhạc kịch, về các bậc thầy, về nhạc cụ, về dàn nhạc. Bỏ của họ một bài tập đọc hoặc một bài nhạc là họ coi như một hình phạt rất nặng, họ đau đớn vô cùng đến nỗi gần như chẳng bao giờ ai có đủ can đảm để phạt họ kiểu ấy. Vả lại âm nhạc đối với trái tim họ như ánh sáng đối với đôi mắt của chúng ta vậy".

Đê-rôt-xi hỏi là học sinh có thể được đi thăm những người mù không?

"Có thể- thầy giáo trả lời- nhưng đối với các con,

vì còn nhỏ, thầy khuyên chưa nên đến đấy. Sau này hãy đi, lúc đủ tuổi để hiểu hết được nỗi bất hạnh của họ và cảm thấy hết nỗi thương xót đối với họ.

"Đó là một cảnh tượng thương tâm, các con ạ. Đôi khi các con thấy những em bé ngồi sau cửa sổ hé mở, thơ không khí trong sạch, về mặt bất động, tương đương ngắm cánh đồng rộng rãi, xanh rờn hay những dãy núi đẹp xanh lam mà các con chỉ, còn trông thấy thôi!... Nhưng khi người ta nghĩ rằng các em đó chẳng thấy cái gì hết, rằng sẽ chẳng bao giờ thấy được chút gì những cảnh đẹp huy hoàng đó, thì tim chúng ta thất lại, đúng như lúc ấy chính chúng ta đang bị mù vậy.

"Những người vốn đã mù từ lúc mới sinh ra, chưa hề bao giờ trông thấy thế giới xung quanh, thì ít đáng phân nân hơn một chút, vì họ không biết những gì họ không được hưởng. Nhưng có những em bé chỉ mới mù độ vài tháng thôi, họ biết và họ nhớ những gì họ đã mất. Các em ấy lại còn thêm một nỗi đau khổ nữa là thấy cứ tối lại dần dần trong ký ức mình những hình ảnh thân yêu nhất. Có hôm, một trong số những kẻ khốn khổ đó đã nói với thầy, vẻ buồn không tài nào tả được: "Con mong ước được nhìn thấy lại chỉ một lần thôi, chỉ một phút thôi, để được thấy lại khuôn mặt của mẹ mà con không còn nhớ ra nữa!"

"Khi mẹ các em đến thăm, các em lấy tay sờ khắp mặt mẹ, ngón tay không bỏ sót một đường nét nào, để xem mẹ mình hiện ra sao; và các em chỉ hơi làm

cho mình tin rằng mình không còn trông thấy lại mẹ nữa, các em gọi tên mẹ nhiều lần như tha thiết xin mẹ cho các em được nhìn thấy mặt mẹ một lần nữa.

"Biết bao nhiêu người đến thăm họ, khi ra về, vừa đi vừa khóc.

"Khi từ giã họ, người ta tưởng mình là một ngoại lệ, và mình được cái đặc quyền nhìn thấy thế gian, nhà cửa, bầu trời. Hãy thương xót, các con ạ, hãy thương xót mãnh liệt những người mà đối với họ mặt trời không có chút ánh sáng và người mẹ không có cả cái nhìn."

THẦY GIÁO ỒM

Thứ bảy 25

Chiều qua, tan học, tôi đi thăm thầy giáo tôi ốm, thầy ốm vì làm việc quá sức. Thầy dạy mỗi ngày năm giờ, thêm một giờ thể dục, và hai giờ dạy lớp ban đêm nữa, tóm lại thầy ngủ ít, ăn vội ăn vàng, nói vớ phối từ sáng đến tối: tất cả những việc chỉ có thể làm đổ nát sức khỏe của thầy, mẹ bảo thế. Mẹ vui lòng đứng chờ tôi trong gian phòng chung ở nhà dưới, trong lúc tôi lên gác thăm thầy Pec-bô-ni.

Trên cầu thang tôi gặp thầy Cô-át-ti, thầy giáo có bộ râu đen, làm cho tất cả mọi người đều khiếp sợ, nhưng lại không hề phạt ai cả. Thầy nhìn tôi với đôi mắt to; và để đùa, thầy bắt chước tiếng sư tử, gầm lên nhưng không cười. Tôi thì cười ngặt nghèo mãi cho đến đến gác tư, khi tôi gọi chuông ở buồng thầy giáo tôi.

Một người đàn bà giúp việc đưa tôi vào một cái buồng tôi tắm nơi thầy tôi nghỉ. Thầy nằm trên một chiếc giường nhỏ. Thầy đưa tay lên che trán để nhìn cho rõ, nhận ra tôi, thầy kêu lên vui vẻ "Kia, En-ri-cô". Tôi bước lại gần giường. Thầy Pec-bô-ni đặt tay lên vai tôi và nói.

"Cam ơn con, con đến thăm thầy giáo đáng thương của con là một việc rất tốt. Thầy đang ốm thâm hại, con thấy đấy, En-ri-cô. À, lớp ta ra sao? Và học sinh thì thế nào? Tốt lắm phải không? Các cậu không cần có thầy cũng vẫn được đấy nhỉ?"

Tôi muốn nói là không phải thế, nhưng thầy Pec-bô-ni không để tôi kịp nói.

"Tốt, tốt lắm! Thầy biết rằng dù sao các con cũng thương thầy".

Thấy tôi nhìn mấy bức ảnh treo trên tường, thầy nói:

- Con thấy ảnh các học trò cũ của thầy đấy. Các anh ấy đã tặng thầy ngoài hai mươi năm rồi. Thật là